| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIA LỘC**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Bùi Thị Thúy
2. Bà Lê Thị Thanh Hương

***- Thư ký phiên toà***: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31-7-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 06-4-2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-7-2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1975.
Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Có mặt.

*2. Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971.
Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Có mặt.

*3. Người làm chứng*:
- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1944;
Trú tại: Thôn V, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1953.
Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-4-2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 12-11-1994 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mỗi lần anh H đi uống rượu say về lại chửi bới, đánh đập chị, thậm chí còn đe dọa giết chị. Mẹ con chị rất sợ nên gọi điện cho gia đình can thiệp, hòa giải. Tuy nhiên, chỉ được một thời gian ngắn, vợ chồng chị lại xảy ra xô xát, đánh nhau. Mặc dù nhiều lần anh H đánh đập nhưng chị không làm đơn đề nghị chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải vì chị đang công tác tại Hội phụ nữ xã Q nên thấy rất xấu hổ do không giải quyết được việc riêng của gia đình mình. Do không chịu đựng được cuộc sống chung với anh H nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Trong thời gian này, hai bên gia đình cũng hòa giải cho vợ chồng chị, chính quyền địa phương cũng phân tích, tác động cho vợ chồng chị nhưng chị xác định không thể sống chung với anh H, vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995 và Nguyễn Trung N, sinh ngày 14-6-2007. Cháu A đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin nuôi cháu N và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh không có mâu thuẫn lớn. Từ sau khi anh đi nước ngoài về vào năm 2017, vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là mâu thuẫn về kinh tế, anh đi làm gửi nhiều tiền về cho chị T quản lý nhưng khi anh về nước, chị T không liệt kê chi tiết cho anh biết quá trình sử dụng số tiền đó vào mục đích gì. Ngoài ra, chị T thường xuyên đi khỏi nhà vào những ngày nghỉ cuối tuần mà không cho anh biết đi đâu, làm gì. Anh không thường xuyên uống rượu, chỉ có một lần vợ chồng mâu thuẫn, do nóng giận nên anh đã tát chị T. Khi chị T về nhà bố mẹ đẻ, vợ

chồng anh được hai bên gia đình hòa giải, chính quyền địa phương phân tích, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn. Mặc dù vậy, anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị T, anh muốn giữ mái ấm cho các con có cả bố và mẹ. Nếu chị T vẫn xin ly hôn thì anh phải chấp nhận nhưng với điều kiện là tài sản chung của vợ chồng phải được phân chia.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995 và Nguyễn Trung N, sinh ngày 14-6-2007. Cháu A đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin nuôi cháu N và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ngày 13-6-2018, anh H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung giao cho anh H. Do anh H không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung nên Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện cho anh H. Tại phiên hòa giải ngày 28-6-2018, anh H xác định không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương, đại diện địa phương cung cấp: Chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì địa phương không biết. Theo dư luận phản ánh thì anh chị thường cãi nhau, to tiếng vào ban đêm. Nay chị T có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Q là bố đẻ anh H cung cấp: Quá trình chung sống, anh H và chị T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về cách sống, kinh tế. Chị T không quan tâm đến gia đình chồng, cách cư xử không phù hợp với đạo đức người con dâu như khi gia đình chồng có công việc thì chị T rất ít khi đến thăm hỏi. Chị T sử dụng số tiền anh H gửi về thế nào cũng không cho anh H biết. Nay chị T có đơn ly hôn, ông đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Bà Nguyễn Thị X là mẹ đẻ chị T cung cấp: Từ năm 2017, anh H về nước, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra xô xát, đánh nhau, nhiều lần anh H đe dọa giết chị T. Mỗi lần như vậy, chị T sợ hãi phải đi ngủ nhờ chỗ khác. Chị T đã về nhà bà ở từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Do nhiều lần anh H đã đe dọa giết chị T nên bà rất sợ tính mạng chị T không được đảm bảo, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh H.

Tại phiên toà: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H, anh H không đồng ý ly hôn. Chị T và anh H đều xin nuôi cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị T ly hôn anh H. Về nuôi con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995 và Nguyễn Trung N, sinh ngày 14-6-2007. Hiện cháu A đã trưởng thành nên chị T và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết. Giao con chung Nguyễn Trung N, sinh ngày 14-6-2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng ông Q, bà X vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Q, bà X.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 1994 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau, xô xát. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, tình cảm vợ chồng không cải thiện. Tháng 7 năm 2017,

chị T về nhà mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Tòa án tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh H không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Thực tế vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần cho chị T ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh H có hai con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995 và Nguyễn Trung N, sinh ngày 14-6-2007. Cháu A đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T và anh H đều xin nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Để giao cháu N cho ai nuôi dưỡng Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá giải quyết vụ án, cháu N có nguyện vọng ở với mẹ. Chị T làm Chủ tịch Hội phụ nữ xã Q, có công việc và thu nhập ổn định, còn anh H làm xây dựng, theo công trình nên công việc không ổn định. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu N vẫn ở với chị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, học tập và ổn định trong cuộc sống của cháu N, cần tiếp tục giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Thanh T ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995 và Nguyễn Trung N, sinh ngày 14-6-2007. Hiện cháu A đã trưởng thành nên chị T và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Trung N, sinh ngày 14-6-2007 cho chị Đỗ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0003820 ngày 06-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Hoài Thanh**